

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 83/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08-4-2024

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phùng Văn Long

2/ Ông Tạ Công Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 785/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Q**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: ấp LT, xã LH, huyện CT, tỉnh TG.

- Bị đơn: **Lê Thanh M**, sinh năm: 1979

Địa chỉ: ấp LT, xã LH, huyện CT, tỉnh TG.

(Chị Q có mặt, anh M có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh Lê Thanh M tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện CT, tỉnh TG. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh M không quan tâm, chăm sóc vợ con, đi làm sớm về trễ, gây nợ nần. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Q yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh M.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/8/2009 và Lê Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/10/2012. Hiện hai cháu đang sống cùng chị Q. Khi ly hôn chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Thanh M có đơn xin vắng mặt. Tại bản tự khai anh M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị Q tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện CT, tỉnh TG. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp tính cách, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay anh M đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/8/2009 và Lê Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/10/2012. Hiện hai cháu đang sống cùng chị Q. Khi ly hôn anh M đồng ý giao hai con chung cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố

tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Q.
- Về con chung: Giao hai cháu Lê Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/8/2009 và Lê Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/10/2012 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng.
- Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung không yêu cầu và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Thanh M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[1] – Về nội dung yêu cầu: Chị Nguyễn Thị Q yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh M. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Q, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Chị Q và anh M xác lập hôn nhân vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị Q và anh M đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị Q và anh M đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Q và anh M đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Q xin ly hôn và anh M đồng ý. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Q là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Về con chung: Chị Q và anh M có 02 con chung tên Lê Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/8/2009 và Lê Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/10/2012. Xét thấy, hai cháu Minh T và Minh N hiện đang sống cùng chị Q, được chị Q chăm

sóc, nuôi dưỡng chu đáo, nguyện vọng của hai con là muốn được sống cùng chị Q, đồng thời anh M cũng đồng ý giao hai con c tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho các cháu, tránh làm xáo trộn môi trường sống và học tập của các cháu, Hội đồng xét xử cần giao cháu Minh T và Minh N cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở.

[1.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.5] Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Q.

- Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Lê Thanh M.

2/ Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Minh T, sinh ngày 08/8/2009 và Lê Nguyễn Minh N, sinh ngày 18/10/2012 cho chị Nguyễn Thị Q tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Lê Thanh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0010757 ngày 25/12/2023 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã LH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Chinh